

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **363**/BC-UBND

Thị xã Duyên Hải, ngày **06** tháng 7 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2023**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách thị xã Duyên Hải năm 2023;

Thực hiện Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

#### **I/. Thu ngân sách:**

**\* Tổng thu NSNN 6 tháng đầu năm 2023:** 262.815 triệu đồng, trong đó:

**1/. Thu nội địa:** 41.712 triệu đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: 74 triệu đồng, đạt 147,14% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 18.149 triệu đồng, đạt 32,06% so với dự toán năm 2023, đạt 53,21% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: 5.917 triệu đồng, đạt 36,98% so với dự toán năm 2023, đạt 72,63% so với cùng kỳ năm trước;



- Lệ phí trước bạ: 5.099 triệu đồng, đạt 44,65% so với dự toán năm 2023, đạt 66,71% so với cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: 1.090 triệu đồng, đạt 31,15% so với dự toán năm 2023, đạt 37,36% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 101 triệu đồng, đạt 31,56% so với dự toán năm 2023, đạt 2.019,79% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu tiền sử dụng đất: 9.325 triệu đồng, đạt 66,60% so với dự toán năm 2023, đạt 136,82% so với cùng kỳ năm trước.;

- Thu khác ngân sách: 789 triệu đồng, đạt 30,70% so với dự toán năm 2023, đạt 135,09% so với cùng kỳ năm trước;

- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 914 triệu đồng, đạt 25,54% so với dự toán năm 2023;

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác: thực hiện 255 triệu đồng.

**2/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 119.072 triệu đồng.**

**3/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 102.031 triệu đồng.**

## **II. Chi ngân sách:**

**Tổng chi ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2023: 151.506 triệu đồng,** trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển: 45.993 triệu đồng,** đạt 65,52% so với dự toán năm 2023, đạt 145,90% so với cùng kỳ năm trước;

**2. Chi thường xuyên: 89.769 triệu đồng,** đạt 46,40% so với dự toán năm 2023, đạt 105,27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 40.536 triệu đồng, đạt 43,23% so với dự toán năm 2023, đạt 100,33% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi khoa học công nghệ: 74 triệu đồng, đạt 7,36% so với dự toán năm 2023, đạt 16,81% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi văn hóa và thông tin: 1.559 triệu đồng, đạt 73,29% so với dự toán năm 2023, đạt 103,58% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thể dục thể thao: 257 triệu đồng, đạt 66,49% so với dự toán năm 2023, đạt 67,36% so với cùng kỳ năm trước

- Chi bảo vệ môi trường: 89 triệu đồng, đạt 1,66% so với dự toán năm 2023, đạt 48,87% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: 10.251 triệu đồng, đạt 34,26% so với dự toán năm 2023, đạt 181,73% so với cùng kỳ năm trước;



- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 28.595 triệu đồng, đạt 110,30% so với dự toán năm 2023, đạt 97,38% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi đảm bảo xã hội: 6.409 triệu đồng, đạt 39,40% so với dự toán năm 2023, đạt 87,06% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi quốc phòng: 3.932 triệu đồng, đạt 141,95% so với dự toán năm 2023, đạt 93,71% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội: 1.359 triệu đồng, đạt 79,34% so với dự toán năm 2023, đạt 114,99% so với cùng kỳ năm trước.

**3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 9.569 triệu đồng.**

**4. Chi nộp ngân sách cấp trên: 884 triệu đồng.**

### **III/. Đánh giá chung:**

Nhìn chung trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng thu ngân sách thị xã đạt 81,82%, tổng chi đạt 47,17% so với dự toán năm 2023. UBND thị xã Duyên Hải chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của các ngành, các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao, kịp thời bổ sung các khoản chi cần thiết không có trong dự toán để đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành tốt hoạt động của đơn vị mình.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2023 (chi tiết theo Biểu số 93,94,95/CK-NSNN kèm theo)./.

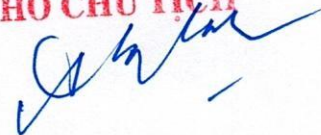
#### **Nơi nhận:**

- TT HĐND&UBND;
- Chủ tịch UBND thị xã;
- Các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Phòng VH và TT thị xã;
- Lưu:VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Lĩnh*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 93/CK-NSNN

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 363/BC-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>321.214</b>	<b>262.815</b>	<b>81,82</b>	<b>104,80</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>108.500</b>	<b>41.712</b>	<b>38,44</b>	<b>68,56</b>
1	Thu nội địa	108.500	41.712	38,44	
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>102.031</b>		<b>176,50</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>212.714</b>	<b>119.072</b>	<b>55,98</b>	<b>90,12</b>
<b>IV</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp NS cấp trên</b>				
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>321.214</b>	<b>151.506</b>	<b>47,17</b>	<b>110,05</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thị xã</b>	<b>321.214</b>	<b>151.506</b>	<b>47,17</b>	<b>110,05</b>
1	Chi đầu tư phát triển	70.199	45.993	65,52	145,90
2	Chi thường xuyên	197.939	95.060	48,02	102,85
2	Dự phòng ngân sách	4.385		-	
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	6.575			
3	Chi nộp NS cấp trên	-	884		
4	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	42.116	9.569	22,72	69,73
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>-</b>			
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>		<b>-</b>		



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 94/CK-NSNN

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số ~~363~~/BC-UBND ngày 06 /7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>321.214</b>	<b>262.815</b>	<b>81,82</b>	<b>104,80</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>108.500</b>	<b>41.712</b>	<b>38,44</b>	<b>68,56</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		74		147,14
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	56.610	18.149	32,06	53,21
4	Thuế thu nhập cá nhân	16.000	5.917	36,98	72,63
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	11.420	5.099	44,65	66,71
7	Thu phí, lệ phí	3.500	1.090	31,15	37,36
8	Các khoản thu về nhà, đất	14.820	9.426	63,60	127,46
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	320	101	31,56	2.019,79
-	Thu tiền sử dụng đất	14.000	9.325	66,60	136,82
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				-
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	500		-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	2.570	789	30,70	135,09
12	Lệ phí trước bạ nhà, đất	3.580	914	25,54	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		255		
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>102.031</b>		<b>176,50</b>
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>212.714</b>	<b>119.072</b>	<b>55,98</b>	<b>90,12</b>
<b>V</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp lên</b>				
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>108.500</b>	<b>41.712</b>	<b>38,44</b>	<b>88,33</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	55.976	24.093	43,04	119,13
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	52.524	17.618	33,54	65,26



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 95/CK-NSNN

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số ~~363~~ /BC-UBND ngày 06 /7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>		<b>321.214</b>	<b>151.506</b>	<b>47,17</b>	<b>110,05</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>321.214</b>	<b>151.506</b>	<b>47,17</b>	<b>110,05</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>70.199</b>	<b>45.993</b>	<b>65,52</b>	<b>145,90</b>
1	Chi đầu tư phát triển	70.199	45.993	65,52	145,90
2	Chi đầu tư phát triển khác		-		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>193.456</b>	<b>89.769</b>	<b>46,40</b>	<b>105,27</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	93.764	40.536	43,23	100,33
2	Chi khoa học và công nghệ	1.000	74	7,36	16,81
3	Chi y tế, dân số và gia đình		-		
4	Chi văn hóa thông tin	2.127	1.559	73,29	103,58
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	386	257	66,49	67,36
7	Chi bảo vệ môi trường	5.346	89	1,66	48,87
8	Chi hoạt động kinh tế	29.924	10.251	34,26	181,73
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	25.925	28.595	110,30	97,38
10	Chi bảo đảm xã hội	16.264	6.409	39,40	87,06
<b>III</b>	<b>Chi an ninh quốc phòng</b>	<b>4.483</b>	<b>5.291</b>	<b>118,03</b>	<b>98,38</b>
1	Chi quốc phòng	2.770	3.932	141,95	93,71
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.713	1.359	79,34	114,99
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>4.385</b>		-	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới</b>	<b>42.116</b>	<b>9.569</b>		69,74
<b>VI</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>884</b>		
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	-			